

Bản án số: 108/2021/DS - ST

Ngày 24-9-2021.

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Tám và bà Cấn Thị Thành.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2021/TLST-DS ngày 26/01/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2021/QĐXXST – DS ngày 26 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 143/2021/QĐST – DS ngày 26 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SGTT.

Có trụ sở tại: Số C, đường Nam K, Phường H, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện cho Ngân hàng TMCP SGTT: Ông Dương Ngọc H - Giám đốc chi nhánh Ngân hàng TMCP SGTT Bình Phước là người đại diện theo văn bản ủy quyền số 3909/2019/GUQ – PL, ngày 16/12/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP SGTT.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Ngọc H: Ông Trần Tiến M – Chuyên viên quản lý nợ - Có mặt.

Địa chỉ: Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Bình Phước – Khu Phố P, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Bà Trần Thị Xuân L, sinh năm 1986 – Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 6 năm 2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/12/2020 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền ông Trần Tiến Mạnh trình bày:

Ngày 07/11/2011 bà Trần Thị Xuân L có vay Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Bình Phước (gọi tắt Ngân hàng) chi tiết như sau: Số hợp đồng tín dụng :

LD1131100326 ngày 07/11/2011 với số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng), mục đích vay: Phát triển kinh tế gia đình, lãi suất: 13,5%/tháng, thời hạn vay: 24 tháng, thời điểm trả hết nợ ngày 07/11/2013. Tổng số tiền trả nợ: 33.100.000 đồng, phương thức trả nợ: Vốn gốc và lãi được chia thành nhiều kỳ trả nợ như sau: Số kỳ trả nợ: 24 kỳ, kỳ hạn trả nợ: 01 tháng/01 kỳ kể từ ngày vay. Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 30/12/2011, các kỳ trả nợ tiếp theo vào ngày 30 hàng tháng. Kỳ trả nợ cuối cùng sẽ được trả vào ngày đáo hạn được quy định tại Hợp đồng này, số tiền trả nợ mỗi kỳ: 1.378.500 đồng (số tiền trả mỗi kỳ = Tổng số tiền trả nợ/ Số kỳ trả nợ), số tiền trả nợ kỳ cuối: 1.394.500 đồng. Biện pháp bảo đảm: Cho vay không có tài sản bảo đảm. Trong quá trình vay từ ngày giải ngân đầu tiên đến nay bà Trần Thị Xuân L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi hết ngày 30/11/2012 với số tiền gốc 12.492.000 đồng, tiền lãi 4.050.000 đồng. Tổng cộng bà L đã trả là 16.542.000 đồng. Từ kỳ trả nợ ngày 31/12/2012 bà Trần Thị Xuân L không trả nợ cho Ngân hàng. Do bà Trần Thị Xuân L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 01/01/2013 Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Bình Phước đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà Trần Thị Xuân L trả nợ, tuy nhiên, bà Trần Thị Xuân L vẫn chưa thanh toán nợ vay quá hạn cho Ngân hàng vì vậy bà L đã vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng. Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Bình Phước khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Xuân L phải trả cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký với số tiền gốc là 12.508.000 đồng và tiền lãi là 29.588.185 đồng (lãi trong hạn 4.050.000 đồng, lãi quá hạn: 25.538.185 đồng). Tổng cả gốc và lãi là: 42.096.185 đồng (lãi tính đến ngày xét xử ngày 24/9/2021).

Kể từ ngày 25/9/2021, bà Trần Thị Xuân L tiếp tục phải chịu lãi suất theo thỏa thuận hai bên ký kết theo Hợp đồng tín dụng đã ký số: LD1131100326 ngày 07/11/2011 tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

Bị đơn bà Trần Thị Xuân L: Theo kết quả xác minh tại địa phương thì bà Trần Thị Xuân L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng hiện nay đã bỏ đi đâu không thông báo cho Ngân hàng cũng như chính quyền địa phương biết. Tòa án tiến hành làm việc với bà Mai Thị Hoa là mẹ đẻ của bà Trần Thị Xuân L thì được bà Hoa cho biết: Bà Trần Thị Xuân L đã đi khỏi địa phương đi đâu tôi không rõ nhưng vẫn có đi về tại địa phương thỉnh thoảng có liên lạc với bà. Ngân hàng có vào gặp bà về vấn đề khởi kiện L. Việc Tòa án làm việc và các thủ tục giao cho L thì bà cam đoan thông báo đầy đủ cho L biết để Tòa án có cơ sở giải quyết theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở đó Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định tất cả các văn bản tố tụng hợp lệ cho bà Trần Thị Xuân L nhưng bà L không đến tòa án làm việc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắc Song đã lập các biên bản theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục

quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc bà Trần Thị Xuân L trả số tiền gốc 12.508.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm linh tám nghìn đồng*) và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc bà Trần Thị Xuân L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Bản sao hồ sơ tín dụng, hồ sơ pháp lý của Ngân hàng, hồ sơ khách hàng là các tài liệu do nguyên đơn cung cấp. Ngoài ra còn một số tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án như bản tự khai của nguyên đơn, biên bản xác minh, biên bản làm việc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP SGTT khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Xuân L do vi phạm hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết vào ngày 07/11/2011 khi thụ lý Tòa án xác định vụ án dân sự với quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự (BLTTDS).

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có hộ khẩu tại thôn H, xã N, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng SGTT và bà Trần Thị Xuân L được ký kết vào ngày 07/11/2011, thời hạn vay 24 tháng, thời điểm trả hết nợ ngày 07/11/2013, trong quá trình vay từ ngày giải ngân đầu tiên đến nay bà Trần Thị Xuân L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi hết ngày 30/11/2012 với số tiền gốc 12.492.000 đồng, tiền lãi 4.050.000 đồng. Tổng cộng bà L đã trả là 16.542.000 đồng. Từ kỳ trả nợ ngày 31/12/2012 bà Trần Thị Xuân L không trả nợ cho Ngân hàng. Do bà Trần Thị Xuân L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 01/01/2013 Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Bình Phước đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngày 05/01/2016 Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú trả lại đơn khởi kiện cho Ngân hàng TMCP SGTT vì lý do căn cứ vào điểm đ, khoản 1 Điều 168 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo cho Ngân hàng để thực hiện bổ túc địa chỉ và xác nhận của địa phương đối với bị đơn và khởi kiện lại nếu cần. Ngày 17/7/2020 Ngân hàng TMCP SGTT tiếp tục gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú đến ngày 06/11/2020 Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú tỉnh Bình Phước có công văn số 190/CV – TA về việc chuyển đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT đến Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông để giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn không yêu cầu áp dụng thời hiệu, do vậy không vi phạm thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[1.4] Về Luật áp dụng: Hợp đồng tín dụng giữa Nguyen đơn và bị đơn được ký kết vào năm 2011 nên luật áp dụng là bộ luật dân sự 2005, Bộ luật dân sự 2015

[1.5] Về hình thức và nội dung của hợp đồng: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP SGTT và bà Trần Thị Xuân L được ký kết vào ngày 07/11/2011 có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản bổ sung.

[1.6] Về chấp hành pháp luật của bị đơn: Căn cứ kết quả xác minh hiện nay bị đơn bà Trần Thị Xuân L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã N, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông nhưng hiện nay bị đơn đã bỏ đi đâu không thông báo cho Ngân hàng cũng như chính quyền địa phương biết. Tòa án tiến hành làm việc với bà Mai Thị Hoa là mẹ đẻ của bà Trần Thị Xuân L thì được bà Hoa cho biết: Con gái bà Trần Thị Xuân L đã đi khỏi địa phương đi đâu tôi không rõ nhưng vẫn có đi về tại địa phương thỉnh thoảng có liên lạc với bà, Ngân hàng có vào gặp bà về vấn đề khởi kiện bà L. Việc Tòa án vào làm việc và các thủ tục giao thi bà cam đoan thông báo đầy đủ cho con bà là L biết để Tòa án có cơ sở giải quyết theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở đó Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định tất cả các văn bản tố tụng hợp lệ cho bà Trần Thị Xuân L nhưng bà L không đến tòa án làm việc. Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng dân sự quy định tại Điều 173, Điều 179 Bộ luật tố tụng Dân sự. Tuy nhiên, bà L vẫn không đến Tòa án làm việc. Ngày 26/8/2021 Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất bà L vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Quyết định hoãn phiên tòa có thông báo thời gian mở lại phiên tòa đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng bị đơn bà L vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Việc bị đơn không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng bà L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung hợp đồng tín dụng: Ngày 07/11/2011 bà Trần Thị Lai có vay Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Bình Phước chi tiết như sau: Số hợp đồng tín dụng: LD1131100326 ngày 07/11/2011 với số tiền 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*), mục đích vay: Phát triển kinh tế gia đình, lãi suất: 13.5%/tháng, thời hạn vay: 24 tháng, thời điểm trả hết nợ ngày 07/11/2013. phương thức trả nợ: Vốn gốc và lãi được chia thành nhiều kỳ trả nợ như sau: Số kỳ trả nợ: 24 kỳ, kỳ hạn trả nợ: 01 tháng/01 kỳ kể từ ngày vay. Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 30/12/2011, các kỳ trả nợ tiếp theo vào ngày 30 hàng tháng. Kỳ trả nợ cuối cùng sẽ được trả vào ngày đáo hạn được quy định tại Hợp đồng này, số tiền trả nợ mỗi kỳ: 1.378.500 đồng theo dư nợ thực tế. Ngày trả nợ cuối cùng: thời điểm trả hết nợ ngày 07/11/2013. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện sự tự nguyện giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP SGTT có cho Trần Thị Xuân L vay. Hợp đồng thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, trả nợ gốc và lãi vốn vay, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay, bên vay đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

[3]. Sự vi phạm nghĩa vụ của bị đơn bà Trần Thị Xuân L: Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn không trả được nợ theo thỏa thuận, chỉ trả được một phần nợ gốc với số tiền vay từ ngày giải ngân đầu tiên đến nay bà Trần Thị Xuân L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi hết ngày 30/11/2012 với số tiền gốc 12.492.000 đồng, tiền lãi 4.050.000 đồng. Tổng cộng bà L đã trả là 16.542.000 đồng. Từ kỳ trả nợ ngày 31/12/2012 bà Trần Thị Xuân L không trả nợ cho Ngân hàng. Do bà Trần Thị Xuân L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, của bên vay được quy định tại Điều 9 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[4]. Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc của nguyên đơn đối với bị đơn bà Trần Thị Xuân L phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc còn là 12.508.000 đồng; Theo Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và bà L thì Ngân hàng cho bà L vay tổng số tiền là 25.000.000 đồng, từ ngày giải ngân 07/11/2011 đến ngày 30/11/2012, bà L đã trả được 12.492.000 đồng còn lại 12.508.000 đồng đến hạn không trả. Như vậy thời điểm trả nợ của bị đơn vào kỳ trả nợ tiếp theo là ngày 31/12/2012 đến ngày 30/01/2013 phải trả 1.378.500 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định nhưng bị đơn không thanh toán được cả nợ gốc và lãi. Nguyên đơn đã nhiều lần làm việc trực tiếp với bị đơn, nhưng bị đơn vẫn không thanh toán được. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện bị đơn ra Tòa án yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc còn lại 12.508.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

[5]. Xét yêu cầu tính lãi trong hạn 4.050.000 đồng, lãi quá hạn: 25.538.185 đồng của nguyên đơn đối với bị đơn;

HĐXX xét thấy: **Đối với lãi trong hạn 4.050.000 đồng tạm tính đến ngày xét xử ngày 24/9/2021.** HĐXX căn cứ vào Hợp đồng tín dụng và số tiền bà L đã trả theo các kỳ trả nợ thì bà L trả nợ gốc, lãi theo từng kỳ đến ngày 31/12/2012 sau đó đến kỳ trả nợ từ ngày 31/12/2012 đến 01/00/2013 thì không trả nợ nên xác định nợ trong hạn với số tiền lãi trong hạn là 4.050.000 đồng là phù hợp. Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về số tiền lãi trong hạn bà L phải trả.

Đối với yêu cầu lãi suất quá hạn: 25.538.185 đồng của nguyên đơn đối với bị đơn: Do bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 01/01/2013 Ngân hàng đã chuyển khoản vay của bà L sang nợ quá hạn là phù hợp, **lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất trong hạn thỏa thuận theo hợp đồng là 13.5%/năm tính từ ngày 01/01/2013 đến ngày xét xử 24/9/2021 là 25.538.18 đồng là phù hợp(có bảng tính lãi kèm theo).** Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về số tiền lãi quá hạn bà L phải trả.

Như vậy, tổng số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn bị đơn phải trả cho nguyên đơn lãi tính đến ngày xét xử ngày 24/9/2021 số tiền là 42.096.185 đồng (trong đó gốc 12.508.000 đồng, lãi trong hạn 4.050.000 đồng, lãi quá hạn: 25.538.185 đồng).

[6] Kể từ ngày 25/9/2021, bà L phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thi hành xong các khoản nợ trên.

[7]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là

đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[8]. Về án phí dân sự: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP SGTT số tiền 953.000 đồng (*Chín trăm năm mươi ba nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Bình Phước đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắc Song theo biên lai số 0005144, ngày 19/01/20221.

Bị đơn Trần Thị Xuân L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền $42.096.185 \text{ đồng} \times 5\% = 2.105.000 \text{ đồng}$ theo khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/1/2016.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; [khoản 1 Điều 281; Điều 471, Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự 2005](#).

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bà Trần Thị Xuân L.

Buộc bà Trần Thị Xuân L phải trả cho Ngân hàng TMCP SGTT tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/9/2021 là 42.096.185 đồng (*Bốn mươi hai triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn, một trăm tám mươi lăm đồng*) (trong đó gốc 12.508.000 đồng (*Mười hai triệu, năm trăm linh tám nghìn đồng*), lãi trong hạn 4.050.000 đồng (*Bốn triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*), lãi quá hạn: 25.538.185 đồng (*Hai mươi lăm triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn, một trăm tám mươi lăm đồng*) ([có bảng tính lãi kèm theo](#)).

Kể từ ngày 25/9/2021 bà Trần Thị Xuân L còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí dân sự: Án phí dân sự sơ thẩm là 2.105.000 đồng buộc bà Trần Thị Xuân L phải chịu số tiền trên. Hoàn trả Ngân hàng TMCP SGTT số tiền 953.000

đồng(Chín trăm năm mươi ba nghìn đồng) tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP SGTT (đại diện nhận tiền là Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT – Chi nhánh Bình Phước) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắc Song theo biên lai số 0005144, ngày 19/01/20221.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắc Nông;
- VKSND huyện Đắc Song;
- Chi cục THADS huyện Đắc Song;
- Đường sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Huệ